FireAnt

Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam (UPCOM: PVX)

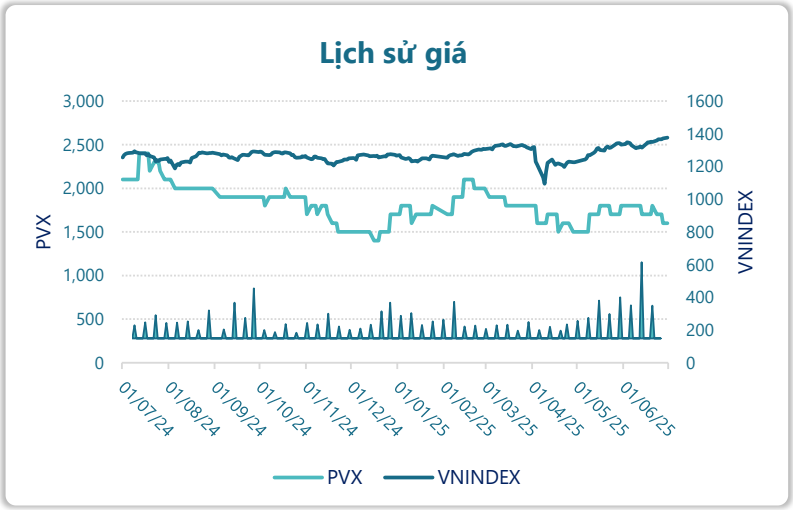

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**1,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	2,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,400
SL cổ phiếu LH	399,997,029
KLGD BQ 20 phiên (CP)	284,035
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	640
P/E	11.0
EPS	146

DT thuần

Q2/25

526

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 220| 72.0%

YoY: ▲ 303| 136%

LN sau thuế

Q2/25

-10.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼12.5| -522%

YoY: ▲ 26.2| 72.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

0.1%

+/- YoY: ▲ 11.9%

DT thuần

6T 2025

832

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 354| 74.0%

LN sau thuế

6T 2025

-7.72

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 64.1| 89.3%

ROE

Q2/25

12.2%

+/- YoY: ▲ 40.3%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

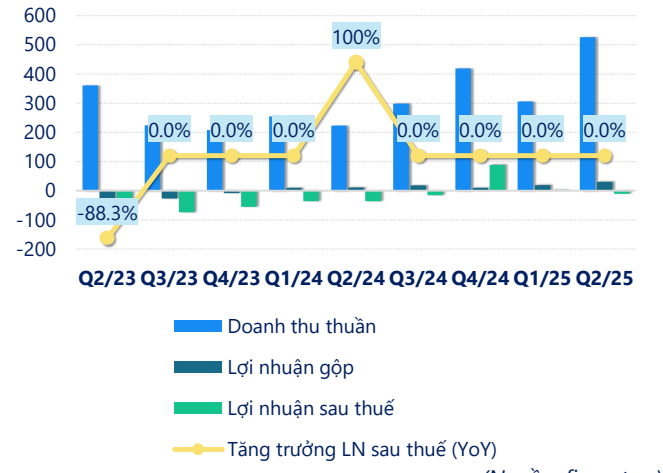

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

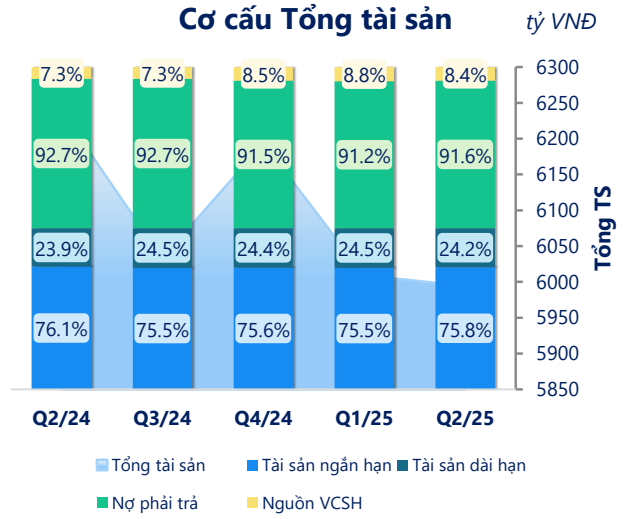

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

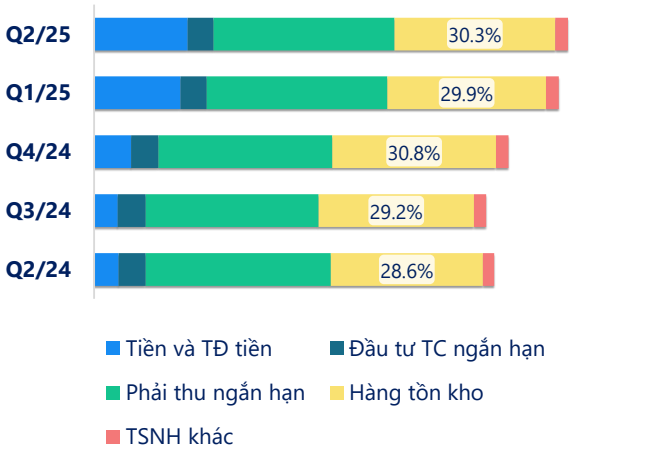

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

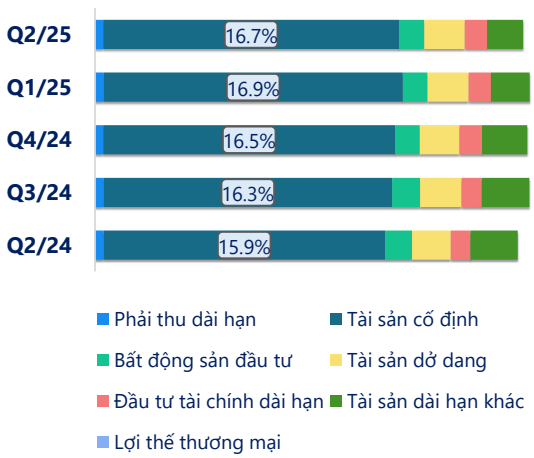

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

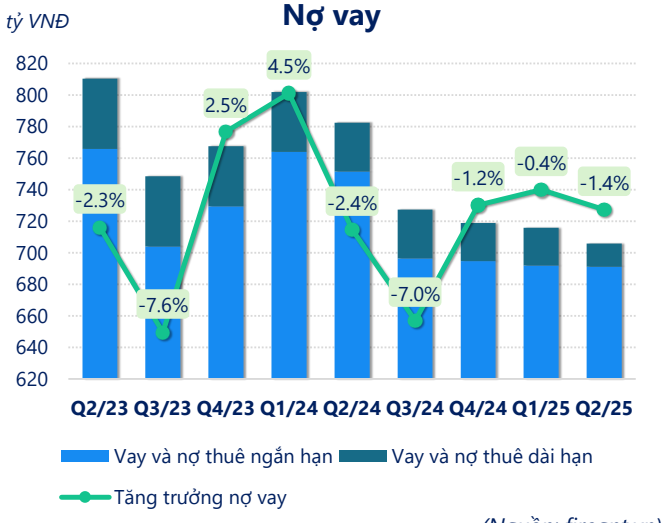

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

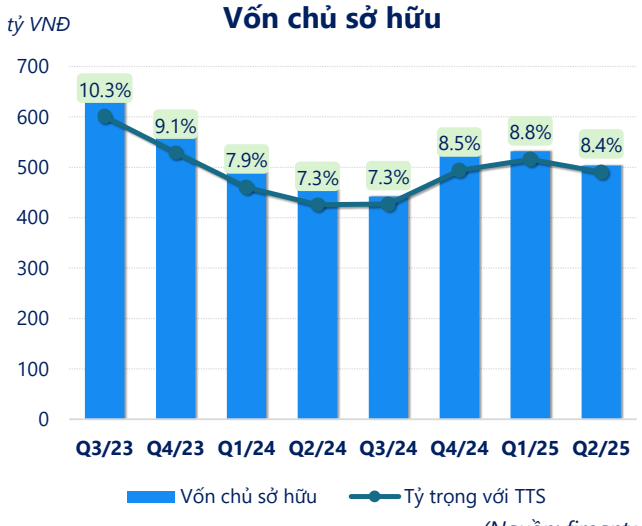

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

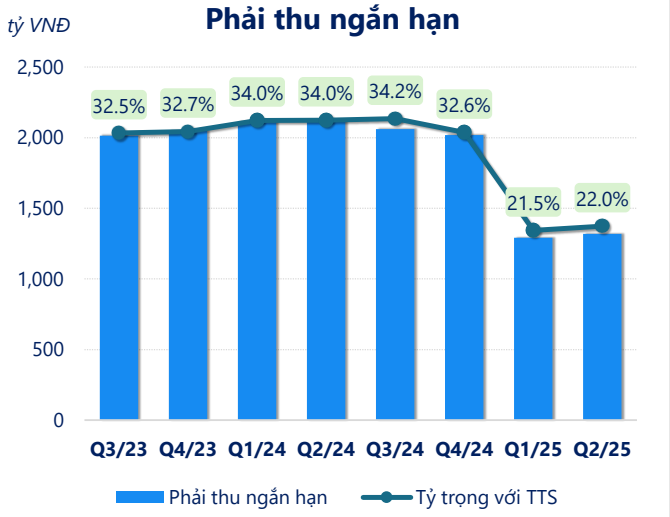

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

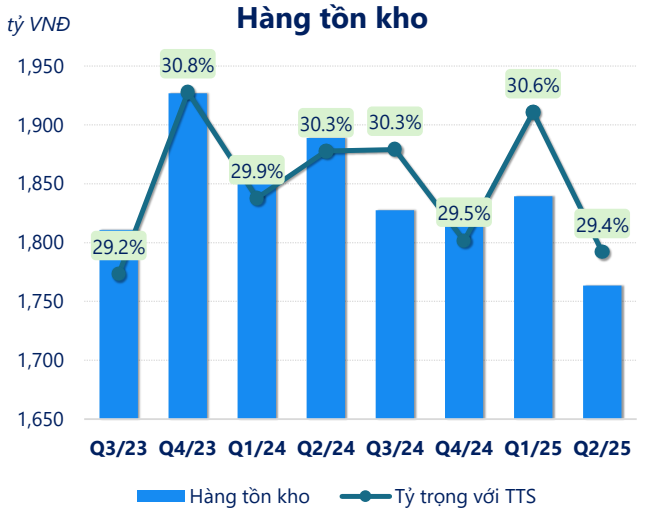

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

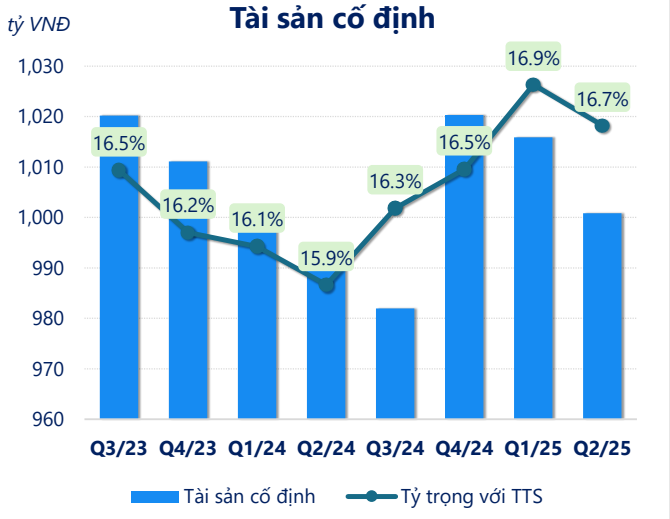

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

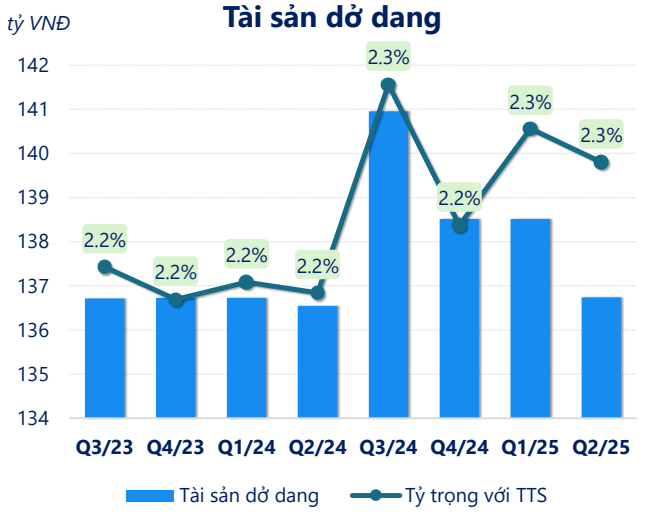

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

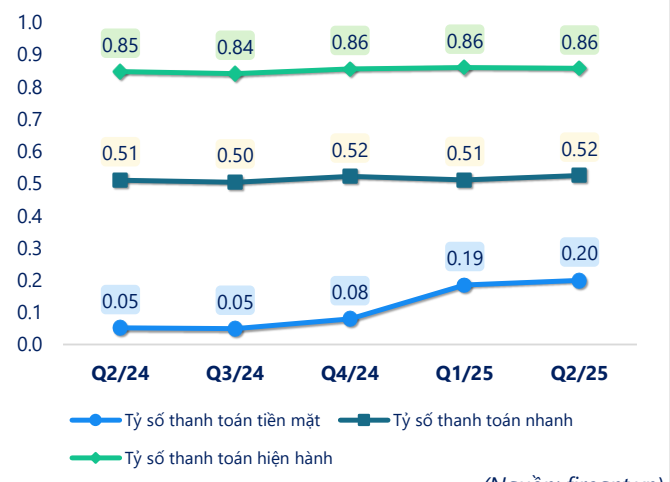

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

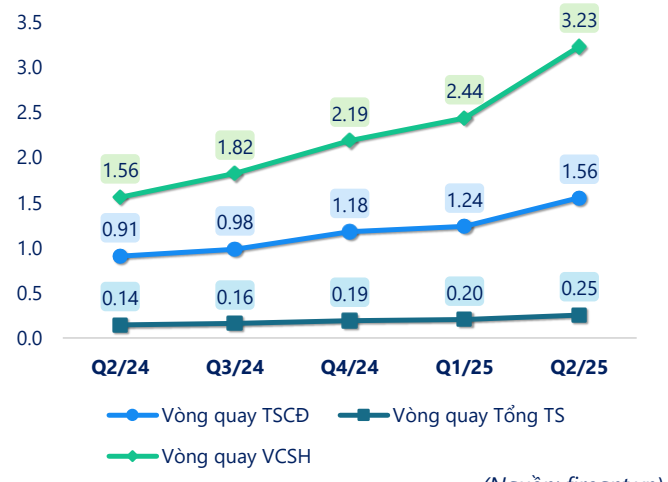

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**6,239**	**6,033**	**6,193**	**6,009**	**5,994**
Tài sản ngắn hạn	**4,750**	**4,555**	**4,682**	**4,535**	**4,546**
Tiền và tương đương tiền	288	267	432	976	1,055
Đầu tư tài chính ngắn hạn	305	251	256	277	270
Phải thu ngắn hạn	2,120	2,061	2,018	1,292	1,318
Hàng tồn kho	1,889	1,827	1,828	1,839	1,764
Tài sản ngắn hạn khác	149	149	148	151	140
Tài sản dài hạn	**1,488**	**1,478**	**1,511**	**1,474**	**1,448**
Phải thu dài hạn	29.8	29.3	28.7	28.4	27.7
Tài sản cố định	991	982	1,020	1,016	1,001
Bất động sản đầu tư	95.4	95.1	85.5	83.7	85.0
Tài sản dở dang	137	141	139	139	137
Đầu tư tài chính dài hạn	68.8	68.8	78.9	76.1	75.8
Tài sản dài hạn khác	166	162	159	131	122
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**5,783**	**5,592**	**5,669**	**5,478**	**5,491**
Nợ ngắn hạn	**5,606**	**5,415**	**5,470**	**5,274**	**5,303**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	751	696	695	692	691
Phải trả người bán ngắn hạn	3,382	3,292	3,325	3,164	3,210
Nợ dài hạn	177	176	199	204	188
Vay và nợ thuê dài hạn	31.0	31.0	24.0	24.0	14.6
Nguồn vốn chủ sở hữu	**455**	**442**	**524**	**531**	**504**
Vốn chủ sở hữu	**455**	**442**	**524**	**531**	**504**
Vốn điều lệ	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)